

## THÁI ĐỘ ỨNG XỬ VỚI TỰ NHIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở BẮC BỘ

TRẦN THÚY ANH<sup>(\*)</sup>

### 1. ỨNG XỬ VỚI TRỜI

Con người nông nghiệp luôn ước vọng sự sinh sôi, nảy nở của cây cối, hoa màu, mùa màng bội thu. Nghề lúa nước với tính thời vụ cao còn cần đông người, thêm sức, thêm việc, thêm thu hoạch. Con người cần mẹ, cần cha như cây cối cần đất, cần trời. Trần Ngọc Thêm nhận định hai hình thái sinh sản này có cùng một bản chất (Trần Ngọc Thêm, 1996, tr. 111). Như vậy, Đất được đồng nhất với mẹ, Trời được đồng nhất với cha.

Khi xây nhà, như một ứng xử với tự nhiên về khí hậu, thời tiết, người Việt quan niệm “Con không cha như nhà không nóc”. Nóc nhà gần Trời, là nơi cao nhất của một ngôi nhà được “thiên hóa” thành cha. Móng nhà vững chãi, nằm sâu dưới đất, là hình ảnh mẹ. Con người “đầu đội trời, chân đạp đất”, gần với đất hơn, ấm yêu với sự che chở của mẹ. Trời xa hơn, cao hơn, dường như khái quát và trừu tượng hơn thì cũng mơ hồ hơn. Dân gian nhận thấy hoa màu, cây cối là do “Trời sinh, Đất dưỡng”. Khi làm nông nghiệp, khác với công việc của người du mục chăn nuôi cần những người sức vóc, lực lưỡng, việc trồng lúa cần đông người. Người trồng trọt lại sống định cư để tiện bề chăm sóc đồng áng nên việc sinh đẻ

không ảnh hưởng gì nhiều tới cuộc sống chung, tạo nên triết lý “Trời sinh voi, trời sinh cỏ”, “Trời cao, Đất dày” sống chung, sống cùng, sống với họ. “Trời cao, Đất thấp”, “Trời ơi, Đất ơi” chứng kiến mọi thăng trầm trong cuộc đời họ. Trời đem đến niềm vui được mùa, đem đến cả nỗi buồn thất bát. Người Việt có xu hướng phụ thuộc tự nhiên, kính sợ và phụ thuộc Trời:

- *Trời cho cày cấy đây đồng*

*Xứ nào xứ ấy trong lòng vui ghê.*

- *Trời đông, bão nổi thình lình*

*Kẻ trôi, người nổi, hai đứa mình còn đây.*

Nhưng người Việt cũng lại có nét tính cách rất đặc biệt là không sùng bái, không cuồng tín, mê đắm quá điều gì. Trời cũng không là ngoại lệ. Họ kính trọng Trời, gắng sống nhân đức để không bị “Trời quả báo ăn cháo gạo răng/ Ăn cơm gạo đũa xĩa răng gãy chày”. Nhưng nếu Trời không công bằng, gieo buồn khổ, đói kém cho họ, họ vẫn oán trách như thường:

- *Trời ơi! Trời ở chẳng cần*

*Người ăn chẳng hết, người lần không ra*

*Người thì mở bảy, mở ba*

*Người thì áo rách như là áo tơi.*

“Trời Việt” là một hiện thị cụ thể hơn của môi trường khí quyển Việt Nam nhiều thất thường, buộc con người phải cứng cỏi, quyết liệt sao cho hòa được, thích hợp được với “trái nắng trở trời” của tự nhiên. Người nông dân Bắc Bộ kiên cường tồn tại giữa

(\*) Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.

đất trời thiên nhiên, gìn giữ đất trời, đất nước. Người Việt còn thờ ông Gióng - một trong tứ bất tử của dân gian. Khi ông Gióng đập tan giặc Ân, giang sơn độc lập, cưỡi ngựa từ đỉnh núi bay vút lên trời, là một biểu hiện của con người quay về tự nhiên sau khi hoàn tất việc lớn của cuộc đời mình.

## 2. ỨNG XỬ VỚI ĐẤT

Ở Bắc Bộ, núi không quá xa biển, thậm chí còn hòa vào trong biển. Hơi nước từ biển bốc lên bay vào đất liền theo gió nhưng bị núi cản lại, ngưng tụ mà tạo mưa. Sông lạch, ao hồ tạo thành nơi chứa nước trên mặt đất. Trên nền môi sinh-môi cảnh nắng mưa dễ dàng do gió mùa mang tới là nhân tố quan trọng bậc nhất để nghề trồng lúa có mặt và phát triển ở đây. Giới địa lý học gọi khu vực này là châu Á gió mùa. Hình thái nông nghiệp cơ bản là nghề trồng lúa thích hợp với miền đất có nhiều đồng bằng và châu thổ. Ở đó, phù sa tạo nên từ các con sông lớn. Bắc Bộ thấp, đất lầy, trũng, tạo thành Đất Lúa theo cách nói của ngành thổ nhưỡng học, để cho cây lúa được mọc lên và nuôi dưỡng. Đất trở thành điều kiện tiên quyết thỏa mãn việc trồng lúa. Với người làm nông nghiệp: “Tất đất là tấc vàng”.

Đất thuộc Âm, thuộc Nữ, thuộc về Bà Mẹ, Mẫu - biểu tượng của sự sinh sôi, nảy nở, hiền lành “Lành như Đất”, “Hiền như Đất”. Dù có đất lành “Đất lành chim đậu” và đất dở “Đất có bồi có lở”, “Người có dở có hay” thì đất vẫn luôn là gốc:

*- Đất này đất tổ đất tiên*

*Đất này chồng vợ bỏ tiền ra mua.*

Ứng xử với đất như ứng xử với người phải tùy liệu, linh hoạt:

*- Đất màu trồng đậu, trồng ngô*

*Đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn.*

*- Đất tốt trồng cây rườm rà*

*Những người thanh lịch nói ra quý quyền.*

Cho đến bây giờ, người Việt khi mua đất, dựng nhà vẫn có thói quen nhìn cây cối nơi đó có tốt tươi, đẹp đẽ mới yên tâm đấy là vùng đất tốt, đất lành để “an cư lạc nghiệp”.

Nơi châu Á gió mùa, lúa là thực vật hợp khí hậu và địa hình nhất, tức thuận cả thiên và địa. Việc trồng lúa nước khiến đất đai trở nên đặc biệt hữu dụng, có ý nghĩa to lớn, biến miền này có căn cước thẳm sâu là miền trồng lúa nước. Cùng với nước, đất kết hợp với nước tạo thành tên gọi Đất Nước (Trung Quốc lại gọi quốc gia của mình là Tổ quốc (Nước Tổ, với hàm nghĩa nước của tổ tiên ông cha mình) hay gọi là quê hương theo tư duy định danh Bắc Bộ - châu thổ của con sông Hồng là nơi trồng lúa cơ bản, tập trung dân cư đông đúc, cũng sẽ là nơi trọng yếu giữ gìn đất nói riêng, đất nước nói chung.

Nông nghiệp Việt Nam cổ truyền có lối canh tác lấy lửa đốt cây, lấy nước ngâm đất (hỏa canh thủy nậu) để cấy lúa hay lấy dao chặt cây và ngâm đất vào nước (đao canh thủy nậu). Về sau, người Việt chế tạo công cụ lao động bằng đồng, bằng sắt để hỗ trợ việc nhà nông. Đặc biệt, “chồng cây, vợ cấy, con trâu đi bừa”, họ dùng sức kéo của trâu bò tác động vào đất lúa theo ý muốn. Trên hai đầu Đất-Nước, mấy ngàn năm trôi qua, người Việt nhào nặn và sáng tạo ra văn hóa của mình, biết thích nghi và điều chỉnh dần cuộc sống của mình theo sự thất thường hay thuận hòa của Đất, Nước. Nước nhiều quá gây bão lụt, họ đắp đê bằng đất để ngăn lũ. Người Pháp gọi đê điều Bắc Bộ như đường viền sắc sảo cho một tà áo đẹp phụ nữ.

Chất “đất”, tính nông nghiệp xóm làng phương Đông cũng thể hiện rõ qua đề điều Bắc Bộ. Vào mùa khô, khi nước ít quá, họ làm thủy lợi dẫn nước về, chia ruộng thành từng khoảnh nhỏ, tránh sự bốc hơi nước tối đa. Nước được điều hòa, cân đối để ngấm vừa đủ cho lúa được nuôi tốt trên mặt đất ruộng. Nông dân bám chặt và làm chủ đất, đấu tranh để sinh tồn, để phối hòa đất và nước với thái độ ứng xử mềm dẻo, linh hoạt, tài tình. Người Việt nghĩ rằng đất là Mẹ, con người từ đất sinh ra, chết lại về với đất, về với lòng Mẹ.

Nông nghiệp Việt Nam cổ truyền là nông nghiệp tiểu nông, thủ công, sức người và sức trâu bò làm chủ đạo. Đất nông nghiệp thì ít, hữu hạn, dân cư đông đúc. Do đó, con người tạo ra một hằng số văn hóa Việt Nam rất lớn là “cái” thiên nhiên thứ hai, ngoài “cái” thiên nhiên “có trước” là xóm làng của mình. Họ tụ cư thành một không gian sống tập trung để tiện bề làm nông nghiệp. Bao quanh nơi sống của cư dân Việt là đồng ruộng, ao hồ với các con đê như bức tường thành bảo vệ - hiện diện sinh động sức mạnh vật chất và tinh thần của họ. Người Việt Bắc Bộ đã sáng tạo ra tự nhiên nhân tạo để thích nghi với khí hậu, thời tiết, địa hình... mà tự nhiên gốc đã buộc họ phải ứng xử như vậy. Người Việt cần đất để sinh sống, cày cấy, mở đất lập làng. Hành trình mở đất, mở nước tiến dần vào phía Nam lãnh thổ. Theo tiến trình ấy, đất nước được mở rộng, đồng bằng, trung du cũng được nơi dần theo. Vẫn thiếu đất, con người phá rừng, chặt cây để tiếp tục lấn đất khiến sinh thái thay đổi, mưa lũ, xói mòn, núi lở... Những ngày nắng đẹp và những ngày giông bão cho đến hiện giờ vẫn bao quanh cuộc

sống nông nghiệp lúa nước của cư dân Bắc Bộ - nhóm cư dân điển hình nông dân nhất của cả nước.

### 3. ỨNG XỬ VỚI NƯỚC

Khí hậu Việt Nam nhiệt, ẩm, gió mùa, thời tiết thất thường khiến cuộc sống nhà nông lam lũ, vất vả. Thái độ ứng xử và tính cách người Việt là sự lựa chọn của họ từ cái tự nhiên khắc nghiệt này. Bên cạnh đất, nước là mối quan tâm rất lớn của nông dân.

*Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.*

Thiên nhiên cho người Việt có lúc mưa thuận gió hòa, cũng nhiều khi mưa giông bão giạt, lụt bão. “Nước, có tháng thiếu, tháng đủ, tháng thừa, mùa thiếu, mùa đủ, mùa thừa, vùng thiếu, vùng đủ, vùng thừa...” (Trần Quốc Vương, 2005, tr. 22). Vì vậy, công việc thủy lợi là biện pháp rất quan trọng để điều hòa nước cho cây lúa. Thái độ ứng xử của người Việt cổ đối với mưa lũ là đắp đê. Họ không dám cắt đê xây đập lấy nước phù sa từ sông lớn dẫn vào ruộng. Chủ yếu họ dựa vào trời mưa, vào các con ngòi, sông nhỏ để tháo nước hay tát nước vào ruộng. Nếu chỉ phụ thuộc vào mưa tự nhiên, Bắc Bộ chỉ đủ nước cho một vụ lúa. Để gia tăng nước cho những vụ lúa khác trong chu kỳ nông nghiệp một năm phải thêm nhân tố tưới nước và tiêu nước. Hạt gạo của người nông dân Bắc Bộ, bởi vậy thấm đẫm mồ hôi nhiều đời.

Sông và Biển là dạng địa hình lưu trữ nhiều nước nhất. Toàn bộ đất nước đối nhìn ra biển Đông. Bắc Bộ là châu thổ của con sông Hồng. Việt Nam có trên 3.000km bờ biển. Cứ khoảng 20km ta sẽ gặp một cửa sông. Tuy nhiên, Bắc Bộ lôm vào trong chứ không lối ra như bờ biển miền Trung nên

chất biến ở đây khá yếu, mờ nhạt, chất sông hồ, ao, đầm lầy trội vượt. Cùng với núi Tản Viên, dân gian lấy con sông Nhị thành biểu tượng hai mặt trước, sau (núi sau sông trước), bọc lấy Hà Nội - trung tâm châu thổ xưa:

- *Nhị Hà quanh Bắc sang Đông  
Kim Ngưu, Tô Lịch là sông bên này.*

- *Khen ai khéo họa dư đồ  
Trước sông Nhị thủy, sau hồ Hoàn Kiếm.*

Vẫn con sông Nhị, bên cạnh núi Nùng lại tạo thành hình ảnh của Thăng Long, Hà Nội. Nét cảnh quan quan trọng của Hà Nội là hồ: hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm như hai mặt gương soi lớn, nhỏ của Hà Nội (chữ dùng của học giả Pháp). Hà Nội được gọi là thành phố sông hồ (chữ dùng của Trần Quốc Vương), với nhiều con sông hội tụ về đây rồi tràn xuống biển Đông. Các cửa ô của Hà Nội xưa kia đều là cửa nước: Cầu Giấy trên ngã ba Tô Lịch-Kim Ngưu; Đồng Lầm ở ngã ba Kim Ngưu-Sét; Đông Mác ở ngã ba Kim Ngưu-Lừ; Bưởi ở ngã ba Tô Lịch-Thiên Phù, v.v. Vùng Đất Tổ Việt Trì là vùng ngã ba sông, nơi hợp lưu của sông Thao, sông Lô và sông Đà. Sông Thao (nay gọi là sông Hồng) là con sông được xếp hàng đầu thế giới về lượng phù sa trên 1km<sup>3</sup> nước, chảy từ Vân Quý (Trung Quốc) đến, cùng sông Đà từ Tây Bắc về và sông Lô chảy từ Việt Bắc tạo thành tam giác châu thổ sông Hồng. “Tự nhân như tự thủy”. Tự thủy là của tự nhiên. Tự nhân, tự văn hóa là của con người. Cao Xuân Huy nhận xét người Việt tính cách linh hoạt, uyển chuyển như nước, biết lựa hoàn cảnh, có thể thay đổi hình thức (bầu, ống) nhưng bản chất nước bên trong thì không đổi: *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*

Người nông dân quan niệm nước mưa là của Trời cho, không tự làm ra được, phải phụ thuộc. Do vậy cư xử của họ đầy sự kính nể và cầu xin:

*Lạy Trời mưa xuống*

*Lấy nước tôi uống*

*Lấy ruộng tôi cày*

*Lấy đầy bát cơm*

*Lấy rơm đun bếp.*

là trông mong, ngóng đợi:

*Trông Trời, trông Đất, trông Mây*

*Trông Mưa, trông Gió, trông Ngày, trông Đêm.*

bởi vì:

*Nước non là nước non trời*

*Ai phân được nước, ai đời được non.*

Nguyễn Xuân Kính trong “Ứng xử của người Việt đối với nước” (Nguyễn Xuân Kính, 2003, tr. 32-41) đã tổng kết rằng, nhìn chung, đó là ứng xử đúng đắn. Dân gian đã trân trọng, linh thiêng hóa nước. Nhiều lễ hội nước ta có nghi lễ rước nước. Dân gian thấy rõ sự cần thiết và tác dụng tích cực của nước. Huyền thoại trăm trứng đẻ trăm con của người Việt, với 50 con theo cha Rồng xuống biển, 50 con theo mẹ Tiên lên núi đã phản ánh ý thức về biển, về nước. Trần Quốc Vương cho rằng với nguyên lý Mẹ của văn hóa Việt Nam, người Việt đã đặt Mẹ (núi) phần nào cao hơn Cha (biển, nước). Như vậy nếu quan niệm Trời, Đất là một cặp đôi tự nhiên như là Cha, Mẹ của con người thì có thể người Việt đã xếp Nước (mưa), nắng, gió, mây ngàn là thuộc về Trời, là Cha, Đất là Mẹ. Đất-Nước là Cha Mẹ theo cách nói dân gian, là quê hương, Đất Nước theo cách nói gần hơn với ngày nay. Dân gian cũng thấy mưa tác động rất nhiều tới việc trồng lúa,

từ đó họ rút ra nhiều kinh nghiệm qua việc quan sát và ứng xử thích nghi:

- *Ráng vàng thời nắng, ráng trắng thời mưa*
- *Chớp đông nhay nháy gà gáy thì mưa*
- *Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa*
- *Cóc nghiêng răng đang nắng thì mưa*
- *Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa*
- *Kiến dọn tổ thời mưa*
- *Mưa dềng dềng vừa trông vừa chạy*  
*Mưa dềng nam vừa làm vừa chơi...*

Nguyễn Xuân Kính cũng chỉ ra rằng dân gian đã thấy tác hại của nước và tìm cách ứng xử sao cho hạn chế những tác hại ấy (Nguyễn Xuân Kính, 2003, tr. 41-45). Người nông dân Việt Bắc Bộ cay đắng thấy: “Nước mưa là của Trời”, “Nước chảy đá mòn”, “Lũ lụt là lụt cả làng”, “Thủy, hỏa, đạo, tặc” là bốn thứ đại họa với đời sống của họ. Kinh nghiệm cho thấy tháng 6, tháng 7 là dễ mưa bão, phải đề phòng:

- *Tháng sáu heo may chẳng mưa thì bão*
- *Tháng bảy kiến bò chỉ lo lại lụt*
- *Tháng bảy kiến đàn đại hàn hồng thủy*
- *Tháng bảy heo may chuồn chuồn bay thì bão...*

Cha mẹ sống trước, sống lâu, truyền lại cho con cháu những trải nghiệm đời mình về nước:

- *Con ơi, nhớ lấy lời cha*  
*Nước to, sóng cả đừng qua sông Rừng.*  
*(Sông Bạch Đằng)*
- *Con ơi, mẹ dặn câu này*  
*Sông sâu, sóng cả, dò đầy chớ đi.*

Huyền thoại Sơn Tinh, Thủy Tinh cũng tô đậm thêm ý thức và hành xử của người Việt với tác hại của nước. Nếu vẫn theo cách nghĩ rằng mẹ Tiên Âu Cơ và 50 con trên núi và bố Rồng Lạc Long Quân cùng 50

con ra biển khi chia tay, thì trong huyền thoại này, kết quả là nước dâng (Thủy Tinh) đã bị núi chặn lại (Sơn Tinh). Chiến thắng ấy có thể đã phản ánh nguyên lý Mẹ của dân gian Việt Nam. Nguyên lý ấy một lần nữa lại được hiển thị trong huyền thoại này với biểu tượng nước bị đẩy lùi bởi đất núi.

#### 4. ỨNG XỬ VỚI KHÍ HẬU, THỜI TIẾT

Mọi sắc màu khí hậu, thời tiết, trừ những bất thường thì phần lớn mang tính chu kỳ. Chu kỳ ấy dựa theo bốn mùa trong năm và tiếp diễn hết ngày, hết tháng, hết năm, lâu dần tạo thành kinh nghiệm sống. Người Việt tổng kết những kinh nghiệm ấy như là những “bảo bối” phục vụ đời sống của mình: làm nông nghiệp, sinh hoạt văn hóa, xóm làng, đời sống tâm linh, lễ hội, v.v. Thiên nhiên rộng lớn được hợp thành bởi rất nhiều yếu tố mặt trời, mặt trăng, các vì sao, nắng, mưa, mây, gió, đất đai, cây cối, động vật... Thiên nhiên được “gợi ý”, được “dự báo”, được biểu đạt qua muôn ngàn biểu tượng. Hình ảnh của nó bao quanh đời sống con người. Người nông nghiệp là con người quan sát tự nhiên để tích lũy trí tuệ. Họ được gợi mở và thắp sáng tri thức từ “hành trình thám mã” môi trường sống bao quanh. Triết lý dân gian, vì vậy rất sâu sắc, bởi nó được lắng đọng và hóa thạch từ lịch sử lâu dài.

Thời gian nông nghiệp của văn minh thôn dã mang tính chu kỳ. Con người sống theo chu kỳ của cây cối, cây trồng của nền nông nghiệp mà hái lượm vượt trội sản bản, trước hết và chủ yếu vẫn là trồng trọt: *Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàng (hoặc Thu vàng, Đông tàn).*

Người Việt nhận ra mùa Xuân sinh sôi, mùa Hè trưởng thành, mùa Thu thu hoạch,

gặt hái, mùa Đông ẩn chứa, tàng trữ cho mùa sau tiếp nối. Họ cũng nhìn thấy một “cách nhìn” nữa mùa Thu vàng lá, mùa Đông úa tàn. Dân gian nói điều cảm nhận một cách dân dã, giản dị, nôm na theo trí tuệ dân gian:

*Tháng Giêng rét dài*

*Tháng Hai rét lộc*

*Tháng Ba rét nàng Bân*

Xuân mở đầu, xuân là xanh, là xoan. Xuân ở Bắc Bộ theo tự nhiên vẫn rét, và là rét ẩm, phù hợp với việc gieo trồng một số cây hoa màu, rau quả:

*Tháng Chạp là tháng trồng khoai*

*Tháng Giêng trồng đậu, tháng Hai trồng cà.*

Xuân và Thu là hai mùa chuyển tiếp của hai chu kỳ nóng lạnh của thời tiết Bắc Bộ. Lựa vào hai “giao thời” ấy, trùng khít vào dịp nông nhàn, Bắc Bộ tổ chức lễ hội “Xuân thu nhị kỳ”. Tháng Ba, tháng Tư là đầu mùa mưa, bắt đầu thời đoạn trồng lúa nước (lúa mùa):

*Tháng Ba cày vỡ ruộng ra*

*Tháng Tư gieo mạ thuận hòa nơi nơi.*

Cho đến tháng Mười cuối mùa mưa, nhà nông gặt hái xong xuôi lúa mùa, kết thúc bằng Tết Cơm mới tươi vui. Người Việt ngắm nhìn khí hậu thời tiết để chiêm nghiệm việc đồng áng, để tổ chức cuộc sống. Tất nhiên giữa cái tự nhiên và cái nhân văn (văn hóa) có độ chênh nhất định vì có những hệ số dao động bất thường ngoài chu kỳ của cả tự nhiên và văn hóa.

Con người cổ xưa nhìn mặt trời mọc, lặn, trông trăng tròn, khuyết, trăng non, trăng già, trăng lên, trăng đứng, trăng tàn, sao đổi, sao dời, gió xuôi, gió ngược... mà nhận thức thời gian của tự nhiên, hoạch định ra thời gian của con người và thời gian xã hội.

“Thời” thì chuyển vào “Đời”, đời sống, đời người, dậy thì, đương thì, lỡ thì, quá thì... “năm” trở thành “Tuổi”, tuổi thơ, tuổi trẻ, trung niên, tuổi già, “mỗi xuân mỗi tuổi mỗi đuổi xuân đi”. “Mùa” cũng là “Vụ”, vụ chiêm, vụ mùa... Và thêm nữa, những khái niệm cao hơn: giai đoạn, thời kỳ, kỷ nguyên, thời đại.... (Trần Quốc Vượng, 2000, tr. 324).

Như vậy, tự nhiên có lịch sinh học của nó. Con người cũng có lịch sinh học của mình. Từng vùng đất, vùng trời cũng có chu kỳ sinh học đặc thù. Bắc Bộ không là ngoại lệ. Tâm thức, cá tính, thái độ và hành xử của cư dân Bắc Bộ được tạo bởi trước hết từ “lịch sinh học” đã được định trước của tự nhiên. Nghề trồng lúa nước buộc nông dân phải nắm vững thời tiết. Bắc Bộ nói riêng, Việt Nam nói chung có hằng số khí hậu nóng ẩm, bên cạnh thời tiết quá nhiều biến số, biến động khôn lường. Chủ thể văn hóa Bắc Bộ - những người nông dân đã điều chỉnh kinh nghiệm đồng áng bằng sự quan sát trông trời, trông trăng, trông mây, trông sao... dựa trên thực tế cuộc sống. Họ gắng sống hòa đồng, hòa điệu và hòa hợp với tự nhiên của mình. □

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Kính. 2003. *Con người, môi trường và văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Trần Ngọc Thêm. 1996. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Trần Quốc Vượng. 2000. *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc và Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.
4. Trần Quốc Vượng. 2005. *Môi trường con người và văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.